TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST Ngày: 30-01-2026 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân:	Ông Nguyễn Thành Đông
	Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 01/01/1985 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

CCCD số: 094185019078, cấp ngày 10/3/2025.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong việc nộp và nhận văn bản của Tòa án: Bà Lê Thị N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lâm Thị Hằng N1 – Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố C (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Thiện P, sinh ngày 01/01/1982 (vắng mặt).

CCCD số: 094082011053, cấp ngày 24/7/2022.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Hồ Thiện P có tổ chức tiệc cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 03/02/2010 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay nhận thấy không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, mâu thuẫn vợ chồng không ai biết, nên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với ông P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Thiện P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc C có tổ chức tiệc cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 03/02/2010 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi nhau và đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông P không đồng ý do còn tranh chấp tài sản chung với bà C, ông sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và sẽ nộp đơn yêu cầu cho Tòa án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hòa giải ngày 07/11/2025. Về con chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Luật sư Lâm Thị Hằng N1 gửi bài bảo vệ có nội dung:

Hôn nhân giữa bà C và ông P là hợp pháp do có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Kể từ khi thụ lý Tòa án đã hòa giải, động viên hàn gắn, bà C cương quyết ly hôn trong khi ông P không đồng ý do cho rằng có phát sinh tranh chấp về tài sản, vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nên có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà C và ông P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà C là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung và nợ chung cả bà C, ông P đều xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Bà C trình bày không có, riêng ông P cho rằng vợ chồng có tài sản chung, ông P đặt ra vấn đề nhưng không có yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp ông P phát sinh tranh chấp có thể khởi kiện bà C ở vụ án khác.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà C được ly hôn với ông P; Về con chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về tài sản chung không đặt ra xem xét do bị đơn không có yêu cầu phản tố. Án phí ly hôn buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Lâm Thị Hằng N1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hồ Thiện P vắng mặt không lý do, đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 17 (Quyển số I/2010) ngày 03/02/2010 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã M, thành phố Cần Thơ) thể hiện, bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Hồ Thiện P có đăng ký kết hôn, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Sau khi bà C nộp đơn khởi kiện Toà án cũng đã tiến hành hoà giải động viên hàn gắn nhưng không thành, bà C cương quyết ly hôn, ông P không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tranh chấp về tài sản chung, tuy nhiên sau khi hòa giải Tòa án đã hướng dẫn và ấn định thời hạn để ông P nộp đơn yêu cầu phản tố chia tài sản nhưng hết thời gian quy định ông P không nộp đơn yêu cầu phản tố. Xét lời trình bày của đương sự thể hiện vợ chồng đã có thời gian không còn chung sống với nhau, sau khi ly thân mạnh ai nấy sống, bà C không còn tình cảm dành cho chồng, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho bà C được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Bà C và ông P thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà C trình bày không có tài sản chung, tuy nhiên ông P cho rằng có tài sản chung nhưng không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét

xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng, ông P có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà C phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006403 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà C đã nộp xong án phí.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với ông Hồ Thiện P.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Hồ Thiện P đều trình bày không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006403 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà C đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã Mỹ Tú, TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp